

Ngày 31/12/2025	6,440 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.6%	-17.4%	-6.7%

2025	
ROE	0.6%
	+/- YoY ▼ 1.7%

Q4/25			
DT thuần	2,615	QoQ ▼ 18.0 ▼ 0.7%	YoY ▼ 251 ▼ 8.7%
	tỷ VNĐ		

2025	
DT thuần	11,317
	YoY ▼ 696 ▼ 5.8%
	tỷ VNĐ

Q4/25			
LN gộp	356	QoQ ▲ 39.0 ▲ 12.4%	YoY ▲ 37.0 ▲ 11.7%
	tỷ VNĐ		

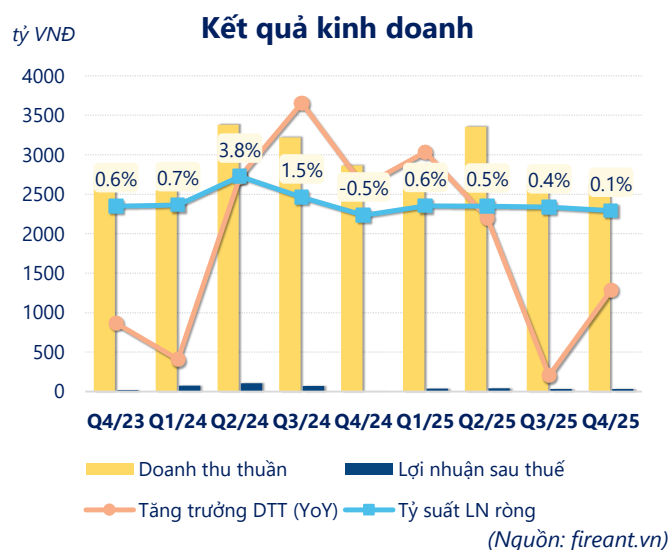
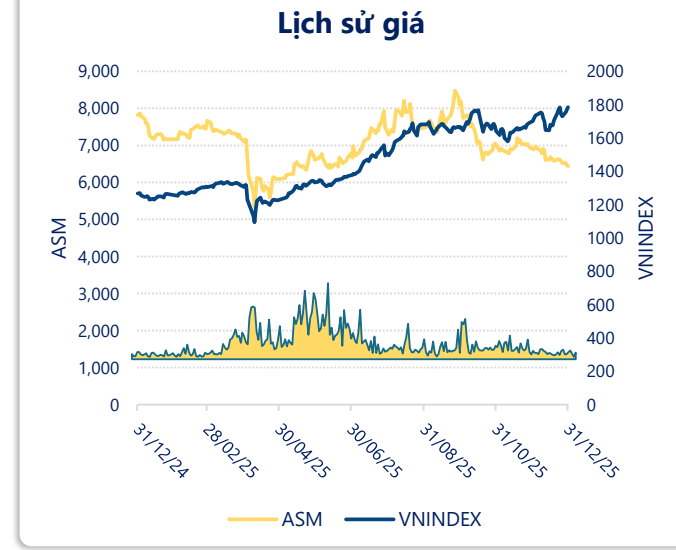
2025	
LN gộp	1,371
	YoY ▼ 6.00 ▼ 0.5%
	tỷ VNĐ

Q4/25			
LN thuần	86.9	QoQ ▲ 17.4 ▲ 25.0%	YoY ▲ 52.4 ▲ 152%
	tỷ VNĐ		

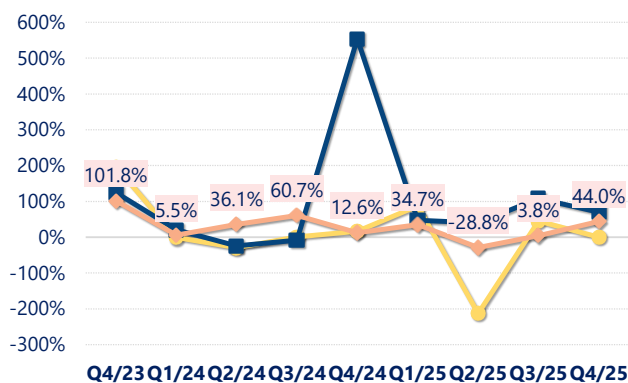
2025	
LN thuần	267
	YoY ▼ 72.0 ▼ 21.1%
	tỷ VNĐ

Q4/25			
LN sau thuế	31.5	QoQ ▼ 3.40 ▼ 9.7%	YoY ▲ 31.0 ▲ 5963%
	tỷ VNĐ		

2025	
LN sau thuế	146
	YoY ▼ 105 ▼ 41.9%
	tỷ VNĐ



Tăng trưởng lợi nhuận

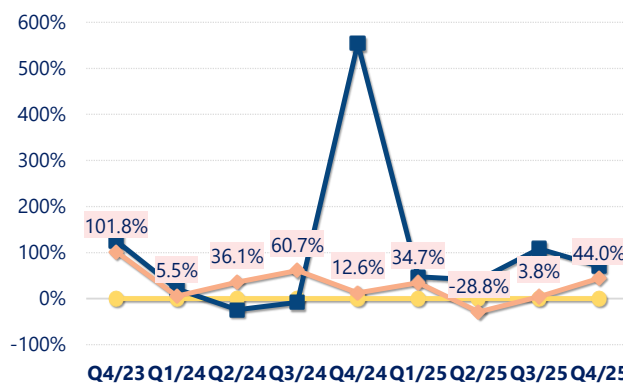


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

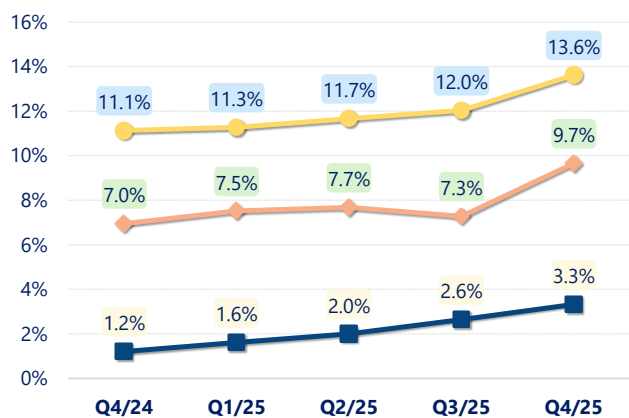


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

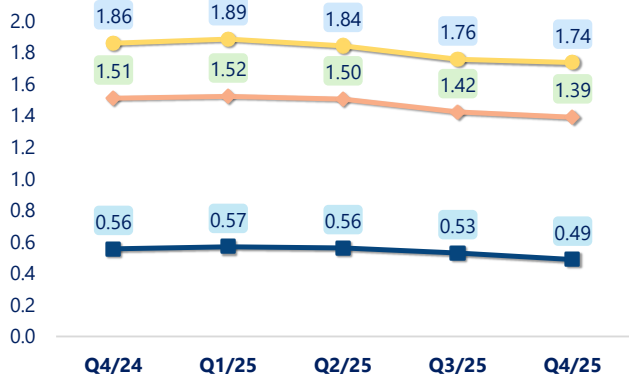


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

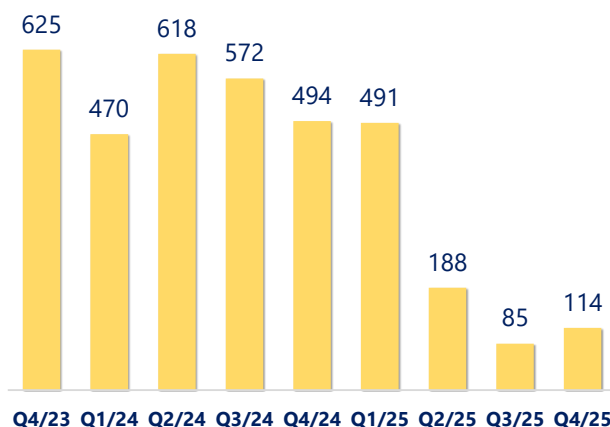


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,615	2,866	-8.7%	11,317	12,013	-5.8%
Giá vốn hàng bán	2,259	2,547	-11.3%	9,947	10,636	-6.5%
Lợi nhuận gộp	356	319	11.7%	1,371	1,377	-0.5%
Doanh thu HĐTC	94.1	80.8	16.5%	241	198	21.6%
Chi phí TC	214	205	4.6%	807	722	11.8%
Chi phí lãi vay	195	180	8.2%	692	661	4.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	58.2	63.5	-8.4%	208	219	-4.9%
Chi phí QLDN	90.8	96.8	-6.2%	329	296	11.1%
LN thuần từ HĐKD	86.9	34.5	152%	267	339	-21.1%
Lợi nhuận khác	-29.1	-15.7	-85.6%	-53.6	-21.7	-147%
LN trước thuế	57.8	18.9	206%	214	317	-32.6%
Lợi nhuận sau thuế	31.5	0.52	5963%	146	251	-41.9%
LNST của CĐ cty mẹ	1.43	-13.4	111%	46.4	181	-74.3%

(Nguồn: fireant.vn)

